

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH  
PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2018/HSST**  
Ngày: 07/3/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hà Thị Tám**;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lò Văn Máng**;  
2. Ông **Lý A Hoi**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Quàng Thị Thu**, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố **ĐBP**, tỉnh **ĐB**;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **ĐBP**, tỉnh **ĐB** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thắm** - Kiểm sát viên;

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố **ĐBP**, tỉnh **ĐB**; Tòa án nhân dân thành phố **ĐBP** xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2018/TLST - HS, ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn H**

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 10/9/1997, tại **ĐB**;

Nơi đăng ký NKTT : Đội 4, xã P L, huyện **ĐB**, tỉnh **ĐB**.

Chỗ ở: Đội C3, xã T Y, huyện **ĐB**, tỉnh **ĐB**;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 6/12 phổ thông; Nghề nghiệp: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không;

Con ông: Bùi Văn T (đã chết) và con bà: Lã Thị T. Hiện trú tại: Đội C3, xã T Y, huyện **ĐB**, tỉnh **ĐB**;

Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

Vợ con: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/12/2017, sau đó bị tạm giam đến nay; có mặt.

**\* Người bị hại:**

1. Ông **Lê Trung K** - sinh năm: 1973, địa chỉ: Số nhà 28, tổ dân phố 31, phường MT, thành phố **ĐBP**, tỉnh **ĐB** (vắng mặt);

2. Bà **Lê Thị Minh H** - sinh năm 1994, địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường M T, thành phố **ĐBP**, tỉnh **ĐB** (vắng mặt);

3. Bà **Phạm Thị H** - sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường T T, thành phố **ĐBP**, tỉnh **ĐB** (vắng mặt).

***\*) Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông **Đinh Khắc P** - sinh năm 1996, địa chỉ: Đội C3, xã T Y, huyện **ĐB**, tỉnh **ĐB** (vắng mặt);

2. Ông **Nguyễn Trường H** - sinh năm 1987, địa chỉ: Đội 4B, xã T X, huyện **ĐB**, tỉnh **ĐB** (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:***

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13/12/2017, Bùi Văn H đi bộ đến khu vực tổ 15, phường H L, thành phố **ĐBP**, nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$  màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 27X1-0760, phía tay lái bên phải có treo một mũ bảo hiểm màu vàng loại nửa đầu, trong cốp xe có 01 đăng ký xe máy, 01 bảo hiểm xe máy mang tên Lê Trung K và 01 túi đựng dụng cụ sửa xe, có tổng giá trị tài sản là 5.110.000 đồng của anh K để trên vỉa hè, đầu xe hướng vào công ty xăng dầu tỉnh **ĐB**, đuôi xe quay ra đường. H lại gần thấy xe vẫn cấm khóa điện nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Quan sát xung quanh thấy không có người để ý, H liền lén lút, bí mật ngồi lên xe vặn chìa khóa nổ máy xe và điều khiển xe đi về hướng huyện **ĐB**. Đi được khoảng 50m thì lấy mũ bảo hiểm đội lên đầu, khi đi đến xã N H, huyện **ĐB**, H vứt mũ bảo hiểm ở vệ đường và lấy cờ lê trong túi đựng dụng cụ sửa xe tháo biển kiểm soát 27X1-0760, dùng tay vặn gương chiếu hậu ở bên trái cất vào cốp rồi điều khiển xe đến ngã ba xã TY thì gặp Đinh Khắc P, H hỏi P có mua xe mô tô không và nói dối là xe mô tô của H mua lại, có giấy tờ đầy đủ, H đang cần tiền nên bán rẻ. P hỏi biển kiểm soát đâu, H bảo biển kiểm soát bị rơi ốc đang để trong cốp, rồi đưa đăng ký xe mô tô cho P xem, P đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng, nhưng trả trước 1.000.000 đồng, hẹn hôm sau trả nốt số tiền còn lại.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Bùi Văn H đã tự nguyện khai báo 02 lần trộm cắp tài sản trước đó khi chưa bị phát hiện, Cơ quan điều tra đã làm rõ, cụ thể:

**Lần 1:** Khoảng 13 giờ ngày 15/11/2017, H đi bộ đến khu vực tổ dân phố 22, phường T T, thành phố **ĐBP**, nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Waves màu trắng - nâu, biển kiểm soát 24B1-489.14, có giá trị 7.200.000 đồng của chị Lê Thị Minh H để trên vỉa hè, trước cửa nhà số 285, đầu xe quay vào nhà, đuôi xe hướng ra đường, vẫn cấm chìa khóa. H quan sát xung quanh thấy không có người liền lén lút, bí mật ngồi lên xe, mở chìa khóa điện rồi điều khiển xe đi về nhà, do chưa tìm được người để bán ngay, H mang xe ra giấu ở bãi sân gần nhà để làm

phương tiện đi lại. Ngày 04/12/2017, H đưa xe mô tô đến bán cho anh Nguyễn Trường H làm nghề mua bán xe máy cũ, lúc bán H nói dối là xe H mua ở Lào Cai, không có giấy tờ. Anh H đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng. Khoảng 1 tuần sau, H bán phần máy của xe cho người thu mua sắt vụn không biết tên, địa chỉ được 300.000 đồng.

**Lần 2:** Khoảng 13 giờ ngày 06/12/2017, H đi bộ đến khu vực tổ 23, phường T T, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB, H nhìn thấy 01 xe mô tô Yamaha Novo, biển kiểm sát 33R4-8465, có giá trị 1.350.000 đồng, của chị Phạm Thị H để trên vỉa hè, trước số nhà 319, đầu xe quay vào nhà, đuôi xe hướng ra đường. H quan sát xung quanh thấy không có người, lén lút dắt trộm xe, mở khóa điện có sẵn ở xe, điều khiển xe đến cánh đồng xã Thanh Yên, huyện ĐB, giấu xe trong bãi sắn gần nhà. Do xe bị hỏng H mang đi sửa tại quán sửa xe của anh Biên, nhưng xe bị hỏng nhiều nên đã bán cho anh Biên được 500.000 đồng. Lúc bán H nói dối là xe mua của người bạn làm công trình, giấy tờ đã bị mất và làm giấy tờ mua bán viết tay.

*Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:* Trong khoảng thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2017, trên địa bàn thành phố **ĐBP**, Bùi Văn **H** đã 03 lần lén lút, bí mật chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô với tổng giá trị 13.660.000 đồng của người khác.

Trong quá trình điều tra lời khai bị cáo Bùi Văn **H** phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

## **2. Cáo trạng của Viện kiểm sát:**

Bản cáo trạng số 10/QĐ-VKS-HS ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố ĐBP để xét xử bị cáo Bùi Văn H về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 15 (*mười lăm*) tháng đến 18 (*mười tám*) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

*Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.*

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Tại phiên tòa người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn người bị hại thừa nhận đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo Bùi Văn H đã nhận thức được hành vi của mình lụy sai trái, vi phạm pháp luật, thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

**1.** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố ĐBP, tỉnh ĐB, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

### **2. Về hành vi bị truy tố của bị cáo:**

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2017, trên địa bàn thành phố ĐBP, Bùi Văn H đã 03 lần lén lút, bí mật chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô với tổng giá trị 13.660.000 đồng của người khác.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Bùi Văn H là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn trên địa bàn thành phố ĐBP. Với hành vi trên, với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp trên thì bị cáo Bùi Văn H đã phạm vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.*

Bị cáo Bùi Văn H là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp; Vì vậy khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử không áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo Bùi Văn H vì: Bùi Văn H thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018.

### **3. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:**

Qua phần xét hỏi vụ tranh luận tội phạm toàn thể hội đồng xét xử nhận thấy rằng do thiếu ý thức rèn luyện bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức và thiếu ý thức trong việc chấp hành các quy định của pháp luật; nên thực hiện việc phạm tội của mình vì phạm pháp hình sự nên nhanh chóng cả tiền phạt vô nhu cầu của bản thân bị cáo lao vào con đường phạm tội:

Ngày 16/12/2015, H bị Tòa án nhân dân huyện DB áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 (phạm tội nhiều lần); Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt 24 tháng tù và áp dụng khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 buộc H phải trả 2.460.000 đồng cho Nguyễn Viết T. Ngày 12/9/2017, H chấp hành xong hình phạt chính nhưng chưa chấp hành phần trả lại tài sản do người được trả lại tài sản chưa có đơn yêu cầu H thi hành án.

Ngày 13/12/2017 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, Ngày 14/12/2017, H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố DBP khởi tố và bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018 nhưng các quy định về tội Trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, không nhẹ hơn nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo có một tiền án về tội trộm cắp tài sản hiện chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp tái phạm; Bị cáo hai lần chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng thuộc trường hợp hai lần trở lên, Đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra bị can đã tự nguyện khai báo hành vi phạm tội của mình khi tội phạm chưa bị phát hiện và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện lao động, học tập, cải tạo sửa chữa lỗi lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời đây cũng là điều kiện thuận lợi để bị cáo từ bỏ được ma túy sớm trở lại hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

**4. Về hình phạt bổ sung:** Bị cáo Bùi Văn H là đối tượng nghiện ma túy, trước khi bị bắt bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

**5. Về trách nhiệm dân sự:** Ngày 02/02/2018, Cơ quan điều tra Công an thành phố ĐBP đã trả lại tài sản cho những người bị hại anh K, chị Hợp, chị Huệ, anh Hải tự nguyện bồi thường số tiền 12.000.000 đồng cho chị Huệ do bán phần máy của xe mô tô. Những người bị hại đã nhận được đầy đủ tài sản bị mất trộm và không ai yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

#### **6. Các vấn đề khác:**

Ngày 14/12/2017, anh P, anh H, anh B đã giao nộp lại cho cơ quan cảnh sát điều tra tài sản còn lại đã mua của H, khi mua họ không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên không đặt vấn đề xử lý.

Số tiền H bán xe mô tô trộm cắp được đã mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. Anh P, anh H, anh B cho bị cáo số tiền đã bỏ ra mua tài sản do bị cáo phạm tội mà có và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

**7. Về án phí:** Bị cáo Bùi Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo **Bùi Văn H** phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

**2. Áp dụng** khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Bùi Văn H 15 (mười lăm) tháng tù giam**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (14/12/2017).

**3. Án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu **200.000 (Hai trăm nghìn)** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt**

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh **ĐB**;
- Lu hủ s-1 vô ưn;
- HS Thi hủnh ưn HS;
- Chi cųc Thi hủnh ưn DS TPĐBP;
- TAND tŕnh ệB;
- VKSND tỉnh ĐB
- Lu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Tám**

